|  |  |
| --- | --- |
| **ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BẮC GIANG** –––––– | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** ––––––––––––––––––––––––– |
| Số: /2022/QĐ-UBND | *Bắc Giang, ngày   tháng  năm 2022* |

**Dự thảo 3**

**QUYẾT ĐỊNH**

**Ban hành Quy chế quản lý và sử dụng viện trợ không hoàn lại không thuộc hỗ trợ phát triển chính thức của các cơ quan, tổ chức, cá nhân nước ngoài dành cho Việt Nam trên địa bàn tỉnh Bắc Giang**

–––––––––

**ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BẮC GIANG**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;*

*Căn cứ Luật Sửa đổi bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;*

*Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015;*

*Căn cứ Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 18 tháng 6 năm 2020;*

*Căn cứ Nghị định số 80/2020/NĐ-CP ngày 08 tháng 7 năm 2020 của Chính phủ Quản lý và sử dụng viện trợ không hoàn lại không thuộc hỗ trợ phát triển chính thức của các cơ quan, tổ chức, cá nhân nước ngoài dành cho Việt Nam;*

*Căn cứ Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ Quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật;*

*Căn cứ Nghị định số 154/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ Sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ Quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật;*

*Căn cứ Thông tư số 23/2022/TT-BTC ngày 06 tháng 4 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài chính Hướng dẫn quản lý tài chính nhà nước đối với viện trợ không hoàn lại của nước ngoài thuộc nguồn thu ngân sách nhà nước;*

*Theo đề nghị của Giám đốc Sở Kế hoạch và Đầu tư tại Tờ trình số……..*

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Ban hành kèm theo Quyết định này Quy chế quản lý và sử dụng viện trợ không hoàn lại không thuộc hỗ trợ phát triển chính thức của các cơ quan, tổ chức, cá nhân nước ngoài dành cho Việt Nam trên địa bàn tỉnh Bắc Giang.

**Điều 2.** Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày tháng năm 2022 và thay thế Quyết định số 497/2014/QĐ-UBND ngày 06/8/2014 của UBND tỉnh ban hành Quy chế quản lý viện trợ và hoạt động của các tổ chức phi chính phủ nước ngoài trên địa bàn tỉnh Bắc Giang.

**Điều 3.** Giám đốc các sở, Thủ trưởng các ban, ngành cấp tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| ***Nơi nhận:*** - Như Điều 3; - Văn phòng Chính phủ; - Vụ Pháp chế - Bộ Kế hoạch và Đầu tư;  - Cục Kiểm tra văn bản QPPL – Bộ Tư pháp; - TT.TU, TT.HĐND tỉnh; - Đoàn ĐBQH tỉnh; - UBMTTQVN tỉnh; - CT, các PCT.UBND tỉnh;  - Ủy ban Công tác về CTCPCPNN;  - Sở, Ban, Ngành đoàn thể cấp tỉnh; - Liên hiệp CTCHN tỉnh; - Công an tỉnh;  - UBND các huyện, thành phố;  - Văn phòng UBND tỉnh: LĐVP, TH, TN, ĐT, Trung tâm thông tin; - Lưu: VT, …. | | **TM. ỦY BAN NHÂN DÂN** | |
| **ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BẮC GIANG** ––––––– | | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** –––––––––––––––––––––––– | |

**QUY CHẾ**

**Quản lý và sử dụng viện trợ không hoàn lại không thuộc hỗ trợ phát triển chính thức của các cơ quan, tổ chức, cá nhân nước ngoài dành cho Việt Nam trên địa bàn tỉnh Bắc Giang**

*(Kèm theo Quyết định số /2022/QĐ-UBND ngày tháng năm 2022 của UBND tỉnh Bắc Giang)*

––––––––––––––

**Chương I**

**QUY ĐỊNH CHUNG**

**Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng**

1. Phạm vi điều chỉnh

a) Quy chế này quy định quản lý và sử dụng viện trợ không hoàn lại không thuộc hỗ trợ phát triển chính thức của các cơ quan, tổ chức, cá nhân nước ngoài dành cho các cơ quan, tổ chức được thành lập hợp pháp trên địa bàn tỉnh Bắc Giang, bao gồm các nội dung: nguyên tắc trong quản lý và sử dụng khoản viện trợ; hồ sơ, trình tự, thủ tục thẩm định, phê duyệt khoản viện trợ thuộc thẩm quyền của Chủ tịch UBND tỉnh; trách nhiệm của cơ quan, đơn vị;

b) Những nội dung không quy định tại Quy chế này thực hiện theo: Nghị định số 80/2020/NĐ-CP ngày 08 tháng 7 năm 2020 của Chính phủ quản lý và sử dụng viện trợ không hoàn lại không thuộc hỗ trợ phát triển chính thức của các cơ quan, tổ chức nước ngoài dành cho Việt Nam (sau đây gọi tắt là Nghị định số 80/2020/NĐ-CP); Thông tư số 23/2022/TT-BTC ngày 06 tháng 4 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài chính Hướng dẫn quản lý tài chính nhà nước đối với viện trợ không hoàn lại của nước ngoài thuộc nguồn thu ngân sách nhà nước (sau đây gọi tắt là Thông tư số 23/2022/TT-BTC);

c) Các trường hợp được quy định tại khoản 2 Điều 1 Nghị định số 80/2020/NĐ-CP không thuộc phạm vi điều chỉnh của Quy chế này.

2. Đối tượng áp dụng

a) Cơ quan, tổ chức, cá nhân tham gia hoặc có liên quan đến hoạt động quản lý và sử dụng viện trợ không hoàn lại không thuộc hỗ trợ phát triển chính thức thuộc phạm vi điều chỉnh nêu tại khoản 1 Điều này;

b) Bên cung cấp viện trợ trong Quy chế này là các tổ chức, cá nhân nước ngoài được quy định tại khoản 2 Điều 2 Nghị định số 80/2020/NĐ-CP;

c) Bên tiếp nhận viện trợ trong Quy chế này là các cơ quan, tổ chức thuộc tỉnh Bắc Giang được quy định tại khoản 3 Điều 2 Nghị định số 80/2020/NĐ-CP.

**Điều 2. Nguyên tắc trong quản lý và sử dụng viện trợ**

1. UBND tỉnh thống nhất quản lý nhà nước về viện trợ trên địa bàn tỉnh Bắc Giang, trên cơ sở công khai, minh bạch, có phân công, phân cấp, gắn quyền hạn với trách nhiệm, đảm bảo sự phối hợp chặt chẽ và phát huy tính chủ động của các sở, ban, ngành, UBND các huyện, thành phố, các tổ chức và các đơn vị thực hiện.

2. Các khoản viện trợ khi được xây dựng và triển khai thực hiện phải tuân thủ các quy định của pháp luật Việt Nam và các cam kết với Bên tài trợ đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt. Trong trường hợp các quy định hoặc điều kiện viện trợ của Bên tài trợ khác với các quy định của pháp luật Việt Nam thì phải tuân thủ quy định của pháp luật Việt Nam.

3. Không tiếp nhận các khoản viện trợ gây ảnh hưởng đến an ninh, chính trị và trật tự an toàn xã hội, xâm hại đến lợi ích nhà nước, quyền và lợi ích hợp pháp của tổ chức, cá nhân.

4. Các nguyên tắc khác theo quy định tại Điều 4 Nghị định số 80/2020/NĐ-CP.

**Chương II**

**HỒ SƠ, TRÌNH TỰ THỦ TỤC THẨM ĐỊNH, PHÊ DUYỆT KHOẢN VIỆN TRỢ THUỘC THẨM QUYỀN CỦA CHỦ TỊCH UBND TỈNH**

**Điều 3. Hồ sơ khoản viện trợ**

Chủ khoản viện trợ chủ trì, phối hợp với bên cung cấp viện trợ lập hồ sơ khoản viện trợ theo quy định tại Điều 8 Nghị định số 80/2020/NĐ-CP trình cấp có thẩm quyền thẩm định, phê duyệt theo quy định.

**Điều 4. Trình tự, thủ tục thẩm định, phê duyệt các khoản viện trợ**

1. Chủ khoản viện trợ nộp 06 bộ hồ sơ (các tài liệu bằng tiếng nước ngoài phải có bản dịch tiếng Việt đã được công chứng kèm theo) quy định tại Điều 3 Quy chế này gửi về Sở Kế hoạch và Đầu tư.

2. Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Sở Kế hoạch và Đầu tư gửi văn bản (kèm theo hồ sơ chương trình, dự án) tới Sở Tài chính, Công an tỉnh và các cơ quan có liên quan lấy ý kiến tham gia thẩm định chương trình, dự án. Trường hợp nội dung khoản viện trợ vượt quá thẩm quyền quản lý của địa phương, Sở Kế hoạch và Đầu tư báo cáo UBND tỉnh để gửi lấy ý kiến của các Bộ, ngành Trung ương có liên quan.

3. Trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận được văn bản xin ý kiến tham gia thẩm định của Sở Kế hoạch và Đầu tư, các cơ quan, tổ chức liên quan có trách nhiệm nghiên cứu hồ sơ và có ý kiến trả lời bằng văn bản, quá thời hạn trên mà không có văn bản trả lời được coi là đồng ý với khoản viện trợ.

4. Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày hết hạn xin ý kiến, Sở Kế hoạch và Đầu tư lập báo cáo thẩm định các nội dung theo quy định tại khoản 5 Điều 10 của Nghị định 80/2020/NĐ-CP trình Chủ tịch UBND tỉnh xem xét phê duyệt hoặc không phê duyệt khoản viện trợ. Đối với khoản viện trợ còn có ý kiến không thống nhất giữa các cơ quan liên quan hoặc còn nội dung chưa được làm rõ, Sở Kế hoạch và Đầu tư báo cáo Chủ tịch UBND tỉnh tổ chức hội nghị xem xét quyết định (nếu cần thiết).

5. Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được báo cáo thẩm định của Sở Kế hoạch và Đầu tư, Chủ tịch UBND tỉnh xem xét phê duyệt hoặc không phê duyệt khoản viện trợ, nêu rõ lý do.

**Điều 5. Quyết định phê duyệt khoản viện trợ**

1. Nội dung quyết định phê duyệt các khoản viện trợ thực hiện theo Khoản 1 Điều 11 của Nghị định số 80/2020/NĐ-CP.

2. Trong thời hạn 05 (năm) ngày kể từ ngày Chủ tịch UBND tỉnh ban hành Quyết định phê duyệt khoản viện trợ, Văn phòng UBND tỉnh có trách nhiệm gửi Quyết định phê duyệt khoản viện trợ cho bên cung cấp viện trợ, đồng thời gửi Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Tài chính, và các cơ quan có liên quan để giám sát và phối hợp thực hiện.

**Chương III**

**TỔ CHỨC THỰC HIỆN**

**Điều 6. Trách nhiệm của các cơ quan, đơn vị**

1. Trách nhiệm của Văn phòng UBND tỉnh

a) Kịp thời tham mưu giúp UBND tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh có văn bản chỉ đạo, đôn đốc trong việc quản lý và sử dụng viện trợ theo quy định;

b) Phối hợp giải quyết các vướng mắc, vấn đề phát sinh trong quá trình tiếp nhận, thực hiện và quản lý các khoản viện trợ theo thẩm quyền;

c) Thực hiện các nhiệm vụ khác theo Quy chế này và quy định của pháp luật.

2. Trách nhiệm của Sở Kế hoạch và Đầu tư

a) Là cơ quan đầu mối về quản lý và sử dụng các khoản viện trợ thuộc phạm vi điều chỉnh của Quy chế này và Nghị định số 80/2020/NĐ-CP;

b) Hướng dẫn Chủ khoản viện trợ lập hồ sơ khoản viện trợ theo Quy chế này;

c) Tham mưu giúp UBND tỉnh chỉ đạo công tác đấu thầu, phê duyệt kế hoạch thực hiện chương trình, dự án hằng năm theo quy định; giúp UBND tỉnh tham gia ý kiến thẩm định đối với các khoản viện trợ thuộc thẩm quyền phê duyệt của cơ quan trung ương theo quy định;

d) Chủ trì, phối hợp với Sở Tài chính và các cơ quan liên quan cân đối bố trí vốn đầu tư công trong trung hạn và hàng năm nguồn ngân sách tỉnh cho các khoản viện trợ có nhu cầu sử dụng vốn đối ứng là vốn đầu tư công;

đ) Chủ trì, phối hợp với các cơ quan có liên quan thực hiện công tác kiểm tra, giám sát tình hình thực hiện dự án, việc chấp hành các quy định hiện hành về quản lý dự án trên địa bàn tỉnh;

e) Chủ trì, tham mưu giúp UBND tỉnh báo cáo tình hình thực hiện, giám sát, đánh giá các khoản viện trợ định kỳ theo quy định của Nghị định số 80/2020/NĐ-CP;

g) Hướng dẫn Chủ khoản viện trợ báo cáo kết thúc các chương trình/dự án, phi dự án theo quy định;

h) Thực hiện các nhiệm vụ khác theo Quy chế này và quy định của pháp luật.

3. Trách nhiệm của Sở Tài chính

a) Hướng dẫn về quản lý tài chính nhà nước đối với các khoản viện trợ:

Đối với khoản viện trợ thuộc nguồn thu ngân sách nhà nước: thực hiện quản lý thu, chi ngân sách nhà nước đối với các khoản viện trợ thuộc nguồn thu ngân sách nhà nước theo quy định của pháp luật về ngân sách nhà nước và quản lý tài chính quy định của Nghị định số 80/2020/NĐ-CP và Thông tư số 23/2022/TT-BTC.

Đối với khoản viện trợ do bên cung cấp viện trợ trực tiếp quản lý, thực hiện: trường hợp bên cung cấp viện trợ bàn giao quyền sở hữu đối với các tài sản, trang thiết bị của chương trình, dự án cho chủ dự án, Sở Tài chính hướng dẫn Chủ dự án thực hiện việc xác lập sở hữu tài sản theo quy định hiện hành;

b) Phối hợp với Sở Kế hoạch và Đầu tư, cơ quan liên quan thẩm định khoản viện trợ; thẩm định khả năng đóng góp vốn đối ứng (nguồn vốn chi thường xuyên ngân sách tỉnh, chi thường xuyên của đơn vị tiếp nhận tài trợ); các nội dung về cơ chế tài chính trong nước đối với khoản viện trợ thuộc nguồn thu ngân sách nhà nước; tính hợp lý trong cơ cấu ngân sách của chương trình, dự án dành cho các hạng mục chủ yếu của chương trình, dự án;

c) Tham mưu giúp UBND tỉnh báo cáo tài chính, các nguồn vốn, tài sản tiếp nhận, sử dụng các khoản viện trợ theo quy định của Nghị định số 80/2020/NĐ-CP; trình UBND tỉnh phê duyệt báo cáo quyết toán năm đối với dự án và tổng hợp báo cáo gửi Bộ Tài chính, Bộ Kế hoạch và Đầu tư và các cơ quan liên quan theo quy định;

d) Kiểm tra, giám sát tình hình quản lý tài chính và tuân thủ quy định tài chính đối với các tổ chức, đơn vị tiếp nhận viện trợ theo quy định;

đ) Bố trí vốn đối ứng cho các chương trình, dự án, phi dự án viện trợ nước ngoài trong kế hoạch ngân sách nhà nước hàng năm cho các đơn vị thuộc đối tượng được cấp ngân sách để thực hiện các chương trình, dự án, phi dự án đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước;

e) Hướng dẫn Chủ khoản viện trợ các thủ tục quyết toán sau khi dự án kết thúc;

g) Thực hiện các nhiệm vụ khác theo Quy chế này và quy định của pháp luật.

4. Trách nhiệm của Sở Ngoại vụ

a) Chủ trì, phối hợp với Công an tỉnh và các cơ quan chức năng quản lý đoàn của các tổ chức phi chính phủ nước ngoài, tình nguyện viên và các tổ chức, cá nhân tham gia thực hiện viện trợ nhân đạo trên địa bàn tỉnh;

b) Tham mưu giúp UBND tỉnh vận động viện trợ, báo cáo hằng năm kết quả vận động viện trợ;

c) Phối hợp với Sở Kế hoạch và Đầu tư, cơ quan liên quan thẩm định khoản viện trợ theo quy định;

d) Phối hợp với Sở Kế hoạch và Đầu tư thực hiện việc kiểm tra, thanh tra, giám sát việc quản lý và sử dụng viện trợ phi chính phủ nước ngoài trên địa bàn tỉnh;

đ) Thực hiện các nhiệm vụ khác theo Quy chế này và quy định của pháp luật.

5. Trách nhiệm của Công an tỉnh

a) Tham mưu UBND tỉnh thực hiện công tác đảm bảo an ninh chính trị và trật tự an toàn xã hội trong quản lý và sử dụng các khoản viện trợ nước ngoài trên địa bàn tỉnh;

b) Hướng dẫn và hỗ trợ các sở, ban, ngành, hội, đoàn thể tỉnh và các tổ chức, cá nhân trong quá trình tiếp nhận và sử dụng các khoản viện trợ nước ngoài thực hiện đúng quy định của pháp luật Việt Nam;

c) Phối hợp với Sở Kế hoạch và Đầu tư, cơ quan liên quan thẩm định khoản viện trợ theo quy định;

d) Chủ động, kịp thời phát hiện, đề xuất xử lý nghiêm các hành vi vi phạm pháp luật của tổ chức, cá nhân trong tiếp nhận và sử dụng các khoản viện trợ nước ngoài;

đ) Thực hiện các nhiệm vụ khác theo Quy chế này và quy định của pháp luật.

6. Trách nhiệm của Sở Nội vụ

a) Chủ trì, phối hợp các cơ quan, đơn vị liên quan thẩm định, tham mưu trình cơ quan có thẩm quyền thành lập Ban quản lý dự án đối với chương trình, dự án phải thành lập riêng theo quy định;

b) Quản lý, giám sát việc chấp hành chủ trương, đường lối, chính sách tôn giáo của Nhà nước trong việc tiếp nhận và sử dụng các khoản viện trợ nước ngoài có liên quan đến tôn giáo;

c) Thực hiện kiểm tra, giám sát tình hình tiếp nhận, quản lý và sử dụng viện trợ của các tổ chức hội, quỹ xã hội, quỹ từ thiện theo thẩm quyền quản lý nhà nước;

d) Phối hợp với Sở Kế hoạch và Đầu tư, cơ quan liên quan thẩm định khoản viện trợ đối với các nội dung thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Sở Nội vụ;

đ) Thực hiện các nhiệm vụ khác theo Quy chế này và quy định của pháp luật.

7. Trách nhiệm của Sở Xây dựng

a) Tham gia thẩm định hồ sơ viện trợ đối với dự án có cấu phần xây dựng theo quy định của pháp luật về xây dựng;

b) Hướng dẫn Chủ khoản viện trợ thực hiện thủ tục về đầu tư xây dựng theo quy định của pháp luật về xây dựng;

c) Thực hiện các nhiệm vụ khác theo Quy chế này và quy định của pháp luật.

8. Các sở, ban, ngành và UBND các huyện, thành phố

a) Tham gia thẩm định khoản viện trợ về nội dung thuộc lĩnh vực quản lý của ngành, địa phương; tham gia kiểm tra, giám sát khoản viện trợ trên địa bàn tỉnh theo quy định;

b) UBND các huyện, thành phố giao Phòng Tài chính - Kế hoạch làm đầu mối trong quản lý, sử dụng các khoản viện trợ trên địa bàn;

c) Thực hiện các nhiệm vụ khác theo Quy chế này và quy định của pháp luật.

**Điều 7. Xử lý chuyển tiếp**

1. Các khoản viện trợ phê duyệt trước ngày 17 tháng 9 năm 2020 thì thực hiện quản lý tài chính và chế độ báo cáo theo quy định tại Nghị định số 93/2009/NĐ-CP ngày 22 tháng 10 năm 2009 của Chính phủ về ban hành Quy chế quản lý và sử dụng viện trợ phi chính phủ nước ngoài; các văn bản hướng dẫn thực hiện Nghị định số 93/2009/NĐ-CP và Quyết định số 497/2014/QĐ-UBND ngày 06/8/2014 của UBND tỉnh ban hành Quy chế quản lý viện trợ và hoạt động của các tổ chức phi chính phủ nước ngoài trên địa bàn tỉnh Bắc Giang đến thời điểm kết thúc khoản viện trợ được nêu trong quyết định phê duyệt của cấp có thẩm quyền.

2. Các khoản viện trợ phê duyệt sau ngày 17 tháng 9 năm 2020 và trước ngày Quy chế này có hiệu lực, thì việc quản lý, sử dụng thực hiện theo quy định tại Quy chế này và Nghị định số 80/2020/NĐ-CP.

**Điều 8. Điều khoản thi hành**

1. Các cơ quan, đơn vị được giao làm cơ quan đầu mối trong Quy chế này có trách nhiệm hướng dẫn cụ thể đối với hoạt động mình phụ trách và phân công công chức phụ trách hoạt động tại cơ quan, đơn vị; phối hợp chặt chẽ giữa các cơ quan, đơn vị có liên quan để triển khai thực hiện các hoạt động tiếp nhận, quản lý và sử dụng khoản viện trợ theo quy định.

2. Trong quá trình thực hiện Quy chế, nếu có phát sinh khó khăn, vướng mắc đề nghị các cơ quan, đơn vị phản ánh kịp thời về Sở Kế hoạch và Đầu tư để tổng hợp, báo cáo UBND tỉnh xem xét, quyết định sửa đổi, bổ sung cho phù hợp./.